

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v: ly hôn giữa

anh S và chị T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Chuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Ngọc Phúc
2. Bà Đào Thị Thu Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Phạm Đức S, sinh năm 1995; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn K, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1997; có đơn xin xử vắng mặt.

Đăng ký HKTT: thôn K, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn V, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-3-2022, bản tự khai các ngày 21-4-2022 và ngày 08-8-2022, đơn xin xử vắng mặt đề ngày 08-8-2022, nguyên đơn anh Phạm Đức S trình bày:*

Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-12-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: anh và chị T có 01 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 14-9-2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai vào ngày 11-7-2022 và đơn xin xử vắng mặt đề ngày 11-7-2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:* chị và anh Phạm Đức S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-12-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01-2021 đến nay. Nay anh S có đơn khởi kiện ly hôn, chị đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về nuôi con chung: chị và anh S có 01 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 14-9-2019. Nếu ly hôn, chị nhường anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh S không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về chia tài sản chung: chị và anh S không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận, ở xa nên chị không thể đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các lần triệu tập và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho anh Phạm Đức S được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T; về nuôi con chung: anh S và chị T có 01 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 14-9-2019. Giao cháu H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh S; về chia tài sản: anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Anh S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* anh Phạm Đức S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Huyền T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Chị T đang cư trú tại thôn V, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh S và chị T đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh S, chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Phạm Đức S và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-12-2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng anh S, chị T sống ly thân từ tháng 01-2021 đến nay. Anh S và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: anh S và chị T sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh S được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: anh S và chị T có 01 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 14-9-2019. Anh S, chị T đều thống nhất để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh S. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của anh S và chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa anh Phạm Đức S và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 14-9-2019 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Phạm Đức S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003660 ngày 21-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (anh S đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Anh S, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Chuyên**